

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN CHÂU PHÚ  
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 347/2021/HNGĐ-ST  
Ngày 26-10-2021  
V/v tranh chấp về ly hôn giữa chị M  
với anh An.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU PHÚ, TỈNH AN GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa Phiên tòa:* Bà Lê Thị Hồng Thi.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Hoàng Tuấn.

2. Ông Nguyễn Ngọc Bờ.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Huỳnh Thanh Châu – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Phú, tỉnh An Giang.

Ngày 26 tháng 10 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Phú xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 261/2021TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 6 năm 2021 về việc “Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 228a/2020/QĐST-HNGĐ ngày 05 tháng 10 năm 2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị La Thị Bé M, sinh năm 1972. Địa chỉ cư trú: Ấp Mỹ Hưng, xã Mỹ Phú, huyện Châu Phú, tỉnh An Giang (có đơn xin xét xử vắng mặt).

- *Bị đơn:* Anh Thái Hồng A, sinh năm 1969 Địa chỉ cư trú: Ấp Mỹ Hưng, xã Mỹ Phú, huyện Châu Phú, tỉnh An Giang (có đơn xin xét xử vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện đề ngày 20 tháng 5 năm 2021 và trong quá trình hòa giải, xét xử, nguyên đơn chị La Thị Bé M trình bày:*

1. Về hôn nhân: Nguyên vào năm 1990 chị và anh A tìm hiểu và yêu thương, sau đó tiến tới hôn nhân, có tổ chức lễ cưới nhưng không đăng ký kết hôn. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng dần về sau phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, vợ chồng đã nhiều lần hàn gắn, nhưng mâu

thuần vẫn thường xuyên xảy ra. Nay chị nhận thấy tình cảm không còn xin được ly hôn với anh Thái Hồng A.

2. Về con chung: Có 02 con chung tên Thái Thị Ngọc Giàu, sinh ngày 1993 và Thái Thanh Sang, sinh năm 1996, các đã thành niên và có khả năng lao động, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Thái Hồng A thống nhất lời trình bày của nguyên đơn về quá trình tiến đến hôn nhân, về con chung, về tài sản chung, đồng ý ly hôn với chị M.

Tại phiên tòa: Các đương sự đều có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu, bị đơn đồng ý ly hôn.

Tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án gồm: Bản sao giấy khai sinh của Ngọc Giàu và Thanh Sang.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa và các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Tranh chấp của các đương sự là về ly hôn, bị đơn có địa chỉ thường trú tại địa bàn huyện Châu Phú, nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Phú tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2] Các đương sự có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự là phù hợp quy định pháp luật tại Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về hôn nhân: Chị M và anh A kết hôn nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định, quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc. Nay tình cảm không còn chị M xin được ly hôn, anh An đồng ý.

Xét, quan hệ hôn nhân của chị M và anh A, Hội đồng xét xử nhận định: Chị M và anh An kết hôn nhưng không đăng ký kết hôn là không phù hợp quy định pháp luật tại Điều 9 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 nên không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa vợ, chồng trong thời kỳ hôn nhân. Thời gian chung sống anh chị thường phát sinh mâu thuẫn và cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc. Nay anh chị thống nhất ly hôn nhưng do anh chị không đăng ký kết hôn nên Hội đồng xét xử không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh và chị.

[2.2] Về con chung: Có 02 con chung tên Thái Thị Ngọc Giàu, sinh ngày 1993 và Thái Thanh Sang, sinh năm 1996, các đã thành niên và có khả năng lao động, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Chị M phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân, gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 217, Điều 238, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 9, Điều 14, Điều 53 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án:

Xử:

1. Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị La Thị Bé M với anh Thái Hồng A.

2. Về con chung: Có 02 con chung tên Thái Thị Ngọc Giàu, sinh ngày 1993 và Thái Thanh Sang, sinh năm 1996, các đã thành niên và có khả năng lao động, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí: Chị La Thị Bé M phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí chị Duyên đã nộp theo biên lai thu số: 0003193 ngày 09 tháng 6 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Phú.

5. Về quyền kháng cáo: Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 của Luật Thi hành án dân

sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND huyện Châu Phú;
- Chi cục THADS huyện Châu Phú;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lê Thị Hồng Thi**

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Văn Chào Nguyễn Ngọc Đây**

**Lê Thị Hồng Thi**



**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Ngọc Bờ Nguyễn Thị Kim Phụng**

**Lê Thị Hồng Thi**

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND huyện Châu Phú;
- Chi cục THADS huyện Châu Phú;
- UBND xã Bình An, Châu Thành, tỉnh Kiên Giang;
- Các đương sự (để thi hành);

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Lưu HS, VP.

**Lê Thị Hồng Thi**

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Ngọc Bờ Phạm Văn Trung**

**Lê Thị Hồng Thi**





**HỘI THẨM NHÂN DÂN**

**CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thanh Tiên   Đoàn Văn Hiến**

**Lê Thị Hồng Thi**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN CHÂU PHÚ  
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**BIÊN BẢN NGHỊ ÁN**

Vào hồi 10 giờ 30 phút, ngày 28 tháng 9 năm 2018.

Tại: Phòng nghị án Tòa án nhân dân huyện Châu Phú.

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

+ Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Hồng Thi.

+ Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Thanh Tiền.

2. Ông Đoàn Văn Hiển.

Tiến hành nghị án vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 308/2018/TLST-HNGĐ, ngày 20 tháng 6 năm 2018 về “Tranh chấp ly hôn” giữa:

- Nguyên đơn: Chị Phan Thị Xuân, sinh năm 1983 (có mặt).

Địa chỉ cư trú: Ấp Bình Thạnh, xã Bình Chánh, huyện Châu Phú, tỉnh An Giang.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Thanh Phương, sinh năm 1975 (vắng mặt).

Địa chỉ cư trú: Tổ 01, ấp Bình Lộc, xã Bình Chánh, huyện Châu Phú, tỉnh An Giang.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT,  
QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU:**

- Về quan hệ pháp luật: Biểu quyết 3/3.

“Tranh chấp ly hôn”

- Về áp dụng pháp luật: Biểu quyết 3/3.

Căn cứ vào Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 9, Điều 56, Điều 81 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

- Về nội dung vụ án:

1. Về hôn nhân: Biểu quyết 3/3.

Cho ly hôn giữa chị Phan Thị Xuân và anh Nguyễn Thanh Phương.

2. Về con chung: Biểu quyết 3/3.

Có 02 con chung tên Nguyễn Thanh Nam, sinh ngày 19 tháng 11 năm 2004 và Nguyễn Thị Bích Tuyên, sinh ngày 18 tháng 01 năm 2007 giao 02 con chung cho anh Phương trực tiếp nuôi dưỡng. Chị Xuân có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. Về tài sản chung và nợ chung không có: Biểu quyết 3/3.

Hội đồng xét xử không xem xét

4. Về án phí sơ thẩm: Biểu quyết 3/3.

Chị Phan Thị Xuân phải chịu 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0002185 ngày 20 tháng 6 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Phú.

5. Về quyền kháng cáo: Biểu quyết 3/3.

Đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nghị án kết thúc vào hồi 11 giờ 15 phút, ngày 28/9/2018.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

**Nguyễn Thanh Tiền   Đoàn Văn Hiến**

**Lê Thị Hồng Thi**

*Nơi nhận:*

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

- TAND tỉnh An Giang;

**TÒA**

- VKSND huyện Châu Phú;

- Chi cục THADS huyện Châu Phú;

- UBND xã Đào Hữu Cảnh;

- Các đương sự (đề thi hành);

- Lưu HS, VP.

**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN**

**Lê Thị Hồng Thi**

**HỘI THẨM NHÂN DÂN**

**CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh An Giang;

**TÒA**

- VKSND huyện Châu Phú;

- Chi cục THADS huyện Châu Phú;

- UBND xã Bình Mỹ;

- Các đương sự (để thi hành);

- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN**

**Lê Thị Hồng Thi**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
NAM  
HUYỆN CHÂU PHÚ  
TỈNH AN GIANG**

---

2015

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT**

**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

*Châu Phú, ngày 26 tháng 01 năm*

**BIÊN BẢN NGHỊ ÁN**

Về “T/c về ly hôn”, giữa:

1. Nguyên đơn: Anh Lê Thanh Tùng, sinh năm 1984

2. Bị đơn: Chị Phan Thị Thi, sinh năm 1992

Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Ngọc Phi

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Nghi Bình; Ông Huỳnh Công Tấn

Sau khi thảo luận, Hội đồng xét xử thống nhất như sau:

\* Về quan hệ pháp luật: “tranh chấp về ly hôn”: Thống nhất 3/3

\* Về áp dụng pháp luật: điểm b Điều 199, khoản 3 Điều 202, khoản 4 Điều 131, khoản 1 Điều 245 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 8 Điều 27 của Pháp lệnh số 10/2009/PL-UBTVQH12 ngày 27/02/2009 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án: Thống nhất 3/3

\* Về nội dung:

- Anh Lê Thanh Tùng được ly hôn với chị Phan Thị Thi: Thống nhất 3/3  
- Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Sẽ giải quyết thành vụ án khác khi đương sự có yêu cầu: Thống nhất 3/3.

- Về án phí: Anh Tùng phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 200.000đ, được trừ vào 200.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0001166 ngày 02 tháng 10 năm 2014 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Phú.

Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Riêng đương sự vắng mặt thì thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hoặc được niêm yết: Thống nhất 3/3

Trương hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự: Thống nhất 3/3.

Các Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Trần Nghi Bình

Huỳnh Công Tấn

Ngô Ngọc Phi